

TÍN NGƯỠNG NỮ THẦN Ở SA ĐÉC NHÌN TỪ ĐỨC TIN VÀ THỰC HÀNH NGHI LỄ

Dương Thanh Tùng

Trường Đại học Đồng Tháp

duongtung.dthu@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/5/2018; Ngày duyệt đăng: 17/12/2018

Tóm tắt

Sa Đéc từ xưa đã sớm là nơi thị tứ của vùng Tây Nam Bộ, nơi diễn ra sự giao thoa văn hóa Việt, Hoa, Khmer với kết quả tiêu biểu là tín ngưỡng nữ thần. Bằng thủ pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thành văn kết hợp với điền dã, quan sát tham dự, phỏng vấn sâu trên nền tảng nhóm lý thuyết giao lưu - tiếp biến văn hóa, cụ thể là quan điểm đặc thù luận lịch sử và quan điểm diễn giải, tái diễn giải văn hóa gắn với ngữ cảnh cụ thể chúng tôi nhận thấy: (1) Về nguồn gốc, có 3 yếu tố: yếu tố bản địa, yếu tố Chăm và yếu tố Hoa. (2) Về đức tin, đó là: đức tin về những bà tiên chủ, bà chúa xứ sở; đức tin về những vị nữ thần phù hộ độ trì cho mưa thuận gió hòa, người yên vật thịnh; đức tin bà Thiên Hậu vị phúc thần luôn hiển linh ban phước lành và may mắn trong cuộc sống của người dân. (3) Về hình thức thực hành nghi lễ - múa bóng rối cũng được biểu hiện rõ nét những đặc điểm: đa dạng, dung hợp và thuần phát dân gian, tất cả góp phần cho tín ngưỡng nữ thần vẫn còn giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người ở Sa Đéc.

Từ khóa: Đức tin, thực hành nghi lễ, thuần phát dân gian, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.

Goddess cults in Sa Dec: a view from the perspectives of faith and ceremonial practice

Abstract

Sa Dec has long been one of the main centers of the Mekong River Delta region where the Vietnamese, the Chinese and the Khmer took place the cultural exchanges, in which Goddess cults is typical production. By analyzing and generalizing written materials and combining with fieldwork, observation and in-depth interviews on the basis of cultural exchanges theoretical platform such as historical particularism and the context-based interpretation, we find out that: (1) About origin, there are three elements included in the cult: Viet factors, Cham factors, and Chinese factors. (2) About faith structure, the local community preserves the faith for goddesses who are the first owner of the land, the protectors of the land; blessing goddesses for good weather conditions, for peace and prosperity; Thien Hau Goddess who always gives spiritual blessings and lucks etc.. (3) About the form of ceremonial practice: traditional shamanic dances (Mua Bong Roi, for instance) also provide significant characteristics such as diversity, fusion, and folk-based wisdom, which greatly help preserve the valuable identities of the contemporary communities in Sa Dec.

Keywords: cult, ceremonial practice, folk-based, Sa Dec city, Dong Thap province.

1. Đặt vấn đề

Tây Nam Bộ là vùng văn hóa mới hình thành hơn 300 năm, xét về chủ thể, vùng văn hóa Tây Nam Bộ, có bốn tộc người chính là Việt, Khmer, Hoa, Chăm; trong đó, người Việt chiếm 91,97% tổng dân số, người Khmer chiếm 6,88%, người

Hoa chiếm 1,03% và người Chăm chiếm 0,09%. Cả bốn tộc người đều là lưu dân từ tứ xứ trên con đường đi tìm một nơi yên ổn để sinh sống và làm ăn đã gặp nhau ở đây, và lấy người Việt làm trung tâm để gắn kết chặt chẽ với nhau (Trần Ngọc Thêm, Nguyễn Thị Lệ Hằng, 2013:

tr. 408-422). Tất cả tạo nên bức tranh văn hóa đa sắc màu bởi sự dung hợp, giao lưu với nhau giữa dòng văn hóa tộc người chủ thể - người Việt và dòng văn hóa các tộc người Chăm, Hoa, Khmer. Còn ở Sa Đéc do đặc thù lối sống mở thoáng, cộng cư giữa các tộc người nên việc tìm hiểu nguồn gốc hình thành và nhận diện giá trị tín ngưỡng nữ thần trong đời sống tâm linh của người dân vẫn còn mờ nhạt và chưa rõ ràng, điển hình những công trình nghiên cứu của Nguyễn Hữu Hiếu như: *Chùa Nguyễn và các giai thoại mở đất phương Nam* (2003), *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Tây Nam Bộ* (2004), *Đồng Tháp 300 năm* (Chủ biên, 2004), *Văn hóa dân gian vùng Đồng Tháp Mười* (2010), *Tục thờ thần qua am miếu Nam Bộ* (2015), *Văn hóa dân gian miệt Sa Đéc* (2016),... và những công trình nghiên cứu của tác giả Nhất Thống như: *Hương quê thương nhớ* (2009), *Sa Đéc vùng đất con người* (2009), *Sa Đéc tình đất - tình người* (2014),... Tất cả công trình vừa nêu chỉ tập trung vào khía cạnh khảo tả nhân vật, sự kiện lịch sử, giai thoại dân gian về địa danh nhưng chưa đi vào nghiên cứu chi tiết tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc. Như vậy, trong thời đại hội nhập như hiện nay, làm thế nào và bằng cách nào tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc tồn tại và phát triển? Đức tin của người dân và các thực hành nghi lễ trong tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc đã được bảo tồn và phát huy hay chưa? Bởi vì, tục thờ Bà (theo cách gọi dân gian) hay là tín ngưỡng nữ thần tại đây là một trong những sản phẩm đặc trưng của quá trình dung hợp đa văn hóa hết sức phong phú và có những nét giá trị đặc sắc riêng nhưng vẫn chưa được nhận diện đầy đủ. Đồng thời, người dân Sa Đéc dùng nhãn quan cư dân nông nghiệp trong bối cảnh đa văn hóa điển hình vùng ven sông Tiền để tiếp nhận (hay hình thành) các tục thờ nữ thần ở địa phương, do đó thực hành tín ngưỡng cũng thể hiện đậm nét tính đa dạng, tính dung hợp và tính thuần phác dân gian.

Bài viết này chủ yếu sử dụng phương pháp định tính, gồm hai nhóm thủ pháp quan trọng: (1) Tổng hợp, phân tích tài liệu thành văn từ các nguồn tư liệu sách, báo, tạp chí, kỷ yếu khoa học về văn hóa tín ngưỡng, tín ngưỡng nữ thần

và mẫu thần, lễ hội dân gian, tín ngưỡng nữ thần ở Nam Bộ liên quan đề tài nghiên cứu. (2) Điền dã, quan sát tham dự, phỏng vấn thực địa khi nghiên cứu các nghi thức lễ, thành phần tộc người. Thủ pháp này góp phần làm cho đề tài mang tính xác thực, việc đi điền dã giúp chúng tôi nhận diện đặc điểm chi tiết và quy luật vận hành của tín ngưỡng nữ thần. Bên cạnh đó, chúng tôi còn ứng dụng nhóm lý thuyết giao lưu - tiếp biến văn hóa, cụ thể là quan điểm đặc thù luận lịch sử (historical particularism) với hai đại diện tiên phong là Franz Boas (1858 - 1942) và Alfred Kroeber (1876 - 1960), và quan điểm diễn giải và tái diễn giải văn hóa gắn với ngữ cảnh cụ thể (context-based reinterpretation) của Edward Sapir (1934) và Robert P. Weller (1953 - ~). Đối với thuyết đặc thù lịch sử, theo quan điểm của Franz Boas (1858 - 1942) và Alfred Kroeber (1876 - 1960) đã khẳng định một cách hoàn toàn có lý rằng: “*Những nét văn hóa đơn lẻ phải được nghiên cứu trong bối cảnh của xã hội mà nó đã xuất hiện. Văn hóa của mỗi một dân tộc được hình thành trong quá trình lịch sử gắn liền với môi trường xã hội nhất định và trong điều kiện địa lý cụ thể*” (Khoa Nhân học, 2008: tr. 24). Vì vậy, chúng tôi sử dụng khung lý thuyết này để xem xét đối tượng tín ngưỡng nữ thần khi đặt nó trong bối cảnh lịch sử cụ thể với sự tương quan môi trường xã hội của Sa Đéc để nhận diện về nguồn gốc, đặc trưng, giá trị và đề xuất giải pháp thực thi bảo tồn, phát huy giá trị tín ngưỡng nữ thần phù hợp với đặc điểm địa phương nhằm đem lại hiệu quả thiết thực trong thời gian tới. Ở quan điểm diễn giải văn hóa theo bối cảnh, Sapir từng nhận định “*Văn hóa không phải là thứ đã sẵn có mà là cái con người khám phá dần dà qua thực tiễn cuộc sống*” (Sapir, 1934: tr. 200-205). Còn theo Weller (1987: tr. 7), không phải nền văn hóa, hiện thực văn hóa nào cũng được định hình sẵn hệ thống các giá trị bất biến để có thể soi chiếu cho mọi cá thể, nhóm cá thể qua các thời đại. Ông nói, “*hầu hết các thực hành văn hóa, tuy nhiên, đều không phải là những hệ thống đã được định chế hóa hay lý tưởng hóa hoàn chỉnh. Thay vào đó, nó tồn tại như là một quá trình diễn giải và tái*

diễn giải thực tế” (Weller, 1987: tr. 7). Do đó, ở vùng đất đa dân tộc, đa văn hóa như Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, Sa Đéc nói riêng, diện mạo, hình hài và đặc điểm của nhiều hiện thực văn hóa, trong đó có tín ngưỡng nữ thần, là sản phẩm của quá trình giao lưu - tiếp biến văn hóa trên nền tảng văn hóa của dân tộc chủ thể (người Việt Nam Bộ). Khi phân tích, diễn giải vấn đề, chúng tôi đặc biệt lưu ý vai trò chủ chốt của người Việt trong quá trình hình thành, tiếp thu, “nhào nặn” và phát triển các loại hình tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc. Ngoài nhóm người Việt, người Hoa (và xa hơn là người Khmer) đóng vai trò “ngoại diện” trong mối quan hệ tương tác với người Việt. Trên thực tế, hầu hết các trường hợp giao lưu - tiếp biến văn hóa ắt dẫn tới biến đổi văn hóa. Mọi biến đổi văn hóa đều phải dựa vào nền tảng tương tác với ngoại cảnh.

2. Đặc điểm về nguồn gốc và không gian thờ

2.1. Đặc điểm về nguồn gốc

Khác với quá trình hình thành tín ngưỡng mẫu thần ở phía Bắc, do các điều kiện lịch sử - xã hội đặc thù, sự hình thành và phát triển của tín ngưỡng nữ thần ở Nam Bộ có nhiều điểm khác biệt. Khu vực phía Bắc do chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa với Nho giáo, Đạo giáo dẫn đến việc hình thành các nữ thần, mẫu thần mang tính cung đình hóa mà đỉnh cao là mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Nam Bộ lại chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ với đạo Bà-la-môn và sự giao lưu, tiếp biến với văn hóa Chăm, Khmer và văn hóa Hoa đã tạo nên một diện mạo hết sức phức tạp và đa dạng trong loại hình tín ngưỡng nữ thần nơi đây.

Nền tảng văn hóa chủ thể Việt (yếu tố bản địa)

Trước khi lưu dân người Việt (Kinh) di cư vào khai phá và cư trú tại vùng đất Nam Bộ này, người Khmer đã cư trú tại đây từ khá lâu. Cư dân Khmer tại đây dưới tác động của Bà-la-môn giáo và Phật giáo đã hình thành một loại hình tín ngưỡng khá phổ biến đó là thờ Neak Tà.

Neak Tà còn được gọi là ông Tà, là vị thần bảo hộ phum sóc - tương tự Thành hoàng ở các làng của người Việt. Trong các miếu thờ, Neak Tà thường được tượng trưng bằng vài hòn đá

dạng bầu dục nhẵn bóng tự nhiên. Hai bên Neak Tà là hai vị thần là Néang Khmau (Bà Đen) và Néang Mésrar (Bà Trắng). Bà Đen và Bà Trắng chỉ là hai vị hộ thần của Neak Tà. Tuy nhiên, khi tiếp cận tín ngưỡng này, với mong ước có một vị thần cai quản, trông coi một vùng đất mà họ vừa mới khai phá được, cộng với truyền thống thờ nữ thần người Việt đã tiếp nhận tín ngưỡng Bà Đen. Bà Đen của người Khmer trở thành Bà Chúa Xứ của người Việt có quyền năng rộng rãi hơn cả hình tượng nguyên mẫu với quyền năng cai quản một vùng đất nào đó. “Theo Malleret, thì Bà Đen tức là thần Burga của Bà-la-môn giáo” (Nguyễn Hữu Hiếu, 2017: tr. 132). Do đó, tại những nơi thờ vị nữ thần này thường thấy có bộ linga-yoni được phối tự như một mô-típ quen thuộc. Tượng linga trong điện thờ Bà Chúa Xứ ở núi Sam (Châu Đốc, An Giang), tượng cô và cậu trong điện thờ chùa Bà Đen (Thành phố Hồ Chí Minh), hay Miếu Cậu trên đóc Thượng lên Điện Bà (núi Bà Đen, Tây Ninh) là minh chứng rõ ràng cho điều này.

Tiếp biến văn hóa Chăm (yếu tố thuộc về văn hóa Chăm)

Miền Trung Việt Nam (từ dãy Hoành Sơn ra phía Bắc) là khu vực chịu ảnh hưởng bởi văn hóa Trung Hoa, chủ yếu là Nho giáo, Đạo giáo và văn hóa Chăm, chủ yếu là đạo Bà-la-môn. Trước khi hoàn tất công cuộc Nam tiến của mình, người Việt đã chịu ảnh hưởng bởi Nho giáo, Đạo giáo. Sau đó họ còn cộng cư với người Chăm trong một thời gian dài. Trong quá trình đó, người Việt đã tiến hành Việt hóa, Nho giáo hóa các nữ thần của người Chăm mà họ tiếp nhận trước khi mang theo vào phương Nam.

Po Yang Inur Nagar là nữ thần tạo ra vương quốc theo quan niệm của người Chăm. Thực chất, Po Yang Inur Nagar hiện thân của nữ thần Ūma (nữ thần Sakti), vợ của thần Siva. Ūma là thần bảo tồn của đạo Bà-la-môn. Ūma được người Chăm biến đổi thành Po Yang Inur Nagar sau đó người Việt biến đổi Po Yang Inur Nagar thành chúa Ngung Man nương hay chủ Ngung Man nương, Chủ Ngu Ma vương. Đó là quá trình Việt hóa vị nữ thần của người Chăm. Po Yang Inur Nagar về sau được người Việt gọi là

Thiên Y A Na sau đó được các vua sắc phong là Diễn Phi Chúa Ngọc Thành Phi. Thiên Y A Na có lẽ xuất phát từ chữ Phạn là Devayana. Theo đó, deva là Thiên hay Trời ghép với yana thành Thiên Y A Na. Còn danh xưng Diễn Phi Chúa Ngọc Thành Phi là do năm 1797 Tổng trấn Nguyễn Văn Thành cho xây đền thờ Bà Chúa Ngọc trên núi Diễn ở phía nam huyện Vĩnh Xương, Khánh Hòa. Đó là quá trình Nho giáo hóa vị nữ thần của người Chăm thành nữ thần của người Việt.

Đền thờ Thiên Y A Na (tức Chúa Ngọc) ở Tháp Bà, Nha Trang; bà Chúa Tiên được thờ ở điện Hòn Chén, Huế; chùa Thiên Mục, Huế; Thái Dương phu nhân ở Hương Trà - Huế; tục cúng chủ Ngung Man Nương của cư dân khu vực Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bà Chúa Động nương được thờ phổ biến ở vùng Long Điền, Đất Đỏ, Bà Rịa, Cần Giờ; Linh Sơn Thánh Mẫu (Bà Đen) ở Tây Ninh; Bà Chúa Xứ ở núi Sam và ở nhiều nơi khác ở Nam bộ đã thể hiện quá trình dung hợp và chuyển biến này.

Tiếp biến văn hóa Trung Hoa (Yếu tố du nhập)

Từ cuối thế kỷ 17, một bộ phận người Hoa do không thuần phục nhà Thanh và nhiều lý do khác đã tìm đến Nam Bộ, trong đó tiêu biểu là nhóm của Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên và Mạc Cửu. Lênh đênh nhiều ngày trên biển với biết bao gian lao, nguy hiểm, chính vì vậy hành trang mang theo có cả những vị nữ thần với quyền năng bảo hộ và giúp họ an toàn trên biển, đó chính là Bà Thiên Hậu, vốn là thần biển có quyền năng cứu giúp người đi biển, là thần hộ mệnh cho nữ giới và có khi được đồng nhất với Phật bà Quan Âm, Lâm Thủy phu nhân, Kim Hoa phu nhân. Bà Thiên Hậu có hình mẫu là Lâm Mặc nương được hình thành từ thế kỷ 10. Do truyền thuyết về Mạc nương có liên quan đến việc cứu người trên biển nên bà được xem là thần bảo hộ người đi biển. Dần dần các hải thuyền đều thờ bà dưới dạng tượng Ma Tổ để cầu mong bình an. Đến năm 1110, nhà Tống sắc phong cho bà là Thiên Hậu thánh mẫu. Khi đến Nam Bộ, người Hoa mang theo tín ngưỡng này, đồng thời bà được bổ sung thêm các quyền năng như bảo an, ban phát phúc lộc, thịnh vượng, hộ

mệnh trẻ sơ sinh nên ở khắp các thị trấn, thành phố tại Nam Bộ có sự hiện diện của người Hoa ta đều thấy có thờ Bà Thiên Hậu trong các chùa, cung hay miếu. Tín ngưỡng này cũng được người Việt tiếp nhận một cách tự nhiên trở thành một phần trong sinh hoạt tín ngưỡng.

Bên cạnh Bà Thiên Hậu thì thờ Ngũ Hành hay Ngũ Hành Nương Nương cũng được người Hoa mang đến Nam Bộ. Ngũ Hành là một bộ phận của học thuyết Âm Dương - Ngũ Hành nói về năm yếu tố cấu thành vũ trụ là Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy. Khi học thuyết này đi vào giới bình dân với truyền thống canh tác nông nghiệp lúa nước phụ thuộc vào nhiều yếu tố tự nhiên đã cho ra đời tín ngưỡng thờ Ngũ Hành. Các hiện tượng tự nhiên tác động đến canh tác nông nghiệp đã được nhân cách hóa trở thành năm bà Ngũ Hành hay Ngũ Hành Nương Nương. Ngũ Hành Nương Nương có khi được lập miếu thờ riêng cũng có khi được thờ tại một ngôi miếu nhỏ trong khuôn viên hay một ban thờ tại đình, chùa.

2.2. Đặc điểm không gian thờ tự

Sau quá trình khảo sát thực địa tại các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên toàn địa bàn thành phố Sa Đéc từ năm 2015 đến 2018, kết quả cho thấy hệ thống tín ngưỡng dân gian ở thành phố Sa Đéc vô cùng phong phú và đa dạng. Trong đó, có tổng cộng hơn 48 cơ sở tín ngưỡng nữ thần với đối tượng thờ Bà Chúa Xứ, Bà Ngũ Hành, Bà Thiên Hậu là phổ biến. Bên cạnh đó, việc thờ Quan Công và thờ Thổ thần cũng là đối tượng được thờ phổ biến như các nữ thần, hầu như ở làng xóm nào cũng có cơ sở thờ. Tuy nhiên, ở bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến tín ngưỡng nữ thần nên yếu tố thờ Quan Công và thờ Thổ thần chúng tôi sẽ trao đổi trong các bài viết tiếp theo. Căn cứ vào tầm ảnh hưởng, niềm tin của dân gian thể hiện qua các hoạt động hành hương, lập cơ sở thờ, nghi thức cúng tế các đối tượng là nữ thần trên có thể phân ra các dạng thờ sau đây:

- Trong khu vực đô thị có người Hoa cư ngụ: tín ngưỡng thờ Thiên Hậu với cung thờ to lớn theo kiến trúc Việt - Hoa, được gọi là Thất Phủ Thiên Hậu Cung (七府天后宮).

- Trong phạm vi xóm ấp, với điện thờ nhỏ bé

chỉ từ vài mét đến năm mười mét vuông, nhưng lại hiện diện khắp làng xã, phổ biến nhất là hai loại điện thờ Bà Chúa Xứ và Bà Ngũ Hành. Tiếp đến là miếu thờ các vị Thất thánh nương nương, Cửu vị tiên nương... Điện thờ với đồ từ khí đơn giản, chỉ có chân đèn, bát nhang, ly nước, lọ bông và bài vị viết chữ Hán hoặc chữ quốc ngữ Chúa Xứ Thánh Mẫu (主處聖母) hoặc Ngũ Hành Nương Nương (五行娘娘) hoặc là tranh tượng (loại có bán sẵn ở chợ). Lễ cúng tế thường diễn ra vào cuối mùa thu hoạch lúa vào cuối năm hoặc tháng 2, tháng 3 âm lịch trùng khớp với thời gian cúng Thượng điền ở đình làng, với tâm nguyện đền đáp ơn Bà Chúa Xứ và cầu nguyện mong được phù hộ cho vụ mùa tới.

- Trong khuôn viên các đình chùa, hai nữ thần Bà Chúa Xứ và Ngũ Hành với tư cách thần bảo hộ của cuộc đất nơi đình chùa tọa lạc. Còn trong chính tâm có nhiều vị có khi có hoặc không có sắc phong tùy theo từng địa phương được thờ với tư cách từng tự hay phối tự, phổ biến là các vị chúa Tiên, chúa Ngọc, Chủ Ngung Man nương, Tứ vị Đại Càn thánh nương v.v.

- Trong phạm vi từng hộ gia đình: bà Nữ Oa, Cửu Thiên Huyền Nữ, Thánh Anh La Sát, Phật mẫu Diêu Trì, Lục Cung thánh mẫu, Quan âm Nam Hải, Quán Thế Âm Bồ Tát, Bà Tổ cô, Bà Mẹ thai sanh... tùy theo tuổi của người thờ, thường là phụ nữ đứng tuổi với tư cách thần độ mạng nữ giới. Không gian tín ngưỡng là một cái trang (khán) thờ có bài vị hoặc tượng ảnh của nữ thần, bình hoa, bát nhang, ba chung nước. Người thờ thắp nhang cầu nguyện vào mỗi ngày có thể là một lần hoặc hai lần, hằng năm có lễ cúng tạ trang, đối với gia chủ có gia cảnh khá giả đều có thuê hầu đồng, hầu bóng đến trợ tế lễ.

Xuất phát từ tính cách phóng khoáng, chan hòa, không cầu kỳ của người Việt ở vùng Sa Đéc, quyền năng của các nữ thần trong tục thờ không phân biệt rõ ràng, mà đan xen, chồng chéo nhau, thường vị nào cũng cho là có chức năng bao quát là phù hộ độ trì cho chúng sanh, mưa thuận gió hòa, người yên vật thịnh, bảo vệ xóm ấp, sản vật sung mãn, độ mạng nữ giới... bên cạnh quyền năng riêng thể hiện qua danh

xung. Từ thời khai hoang đến nay, miếu thờ đơn giản vẫn chỉ là miếu, vai trò, vị trí của các nữ thần ở miếu cũng không được nâng lên, không đưa vào đền, phủ để khang trang, thần bí hóa, hệ thống hóa. Trên thực tế cũng có một số điện thờ nữ thần được nâng lên thành phủ, thành dinh hoặc cung như trường hợp Thiên Hậu cung, một số vị nữ thần được triều đình sắc phong là trung hoặc thượng đẳng thần, nhưng trong dân gian không có sự phân biệt “đẳng cấp” giữa các nữ thần. Tất cả đều được trân trọng gọi là Bà, dù là nữ thần hay mẫu thần, có khi tâm thức ở miếu lại to lớn hơn dinh, phủ. Lý do được tôn vinh thường là do sự linh ứng của thần, thu hút nhiều khách thập phương đến chiêm bái, tin tưởng hơn là do thần được nâng bậc hay được xếp vào hệ thống cao hơn.

3. Đặc điểm về đức tin

Trải qua thời gian với nhiều danh xưng và quyền năng được bổ sung khác nhau, tín ngưỡng nữ thần ở Nam Bộ thể hiện sự giao thoa, dung hợp mạnh mẽ về văn hóa giữa người Việt với người Hoa, người Chăm và người Khmer. Việc thờ các nữ thần ở đây xét về lịch sử như đã trình bày ở trên được hình thành tương đối phức tạp và chịu sự chi phối từ nhiều phía. Tuy nhiên, chung quy lại tín ngưỡng nữ thần ở Nam Bộ nói chung và ở Sa Đéc nói riêng thể hiện qua ba dạng thức đặc điểm về đức tin như sau:

Thứ nhất, đức tin về những bà tiền chủ, bà chúa xứ sở

Lưu dân người Việt khi vào khai phá vùng đất Nam Bộ và định cư ở Sa Đéc, lần đầu tiếp xúc với thiên nhiên hoang sơ, rừng thiêng nước độc nhiều lam sơn chướng khí, “dưới sông sâu lội, trên bờ cọp beo”. Với đặt thù hoàn cảnh như vậy, con người chột rừng mình sợ hãi trước sức mạnh thiên nhiên, cảm thấy nhỏ bé và yếu đuối. Tuy nhiên, vùng đất này không phải hoàn toàn vô chủ, trước đây đã từng có cư dân Phù Nam sinh sống, sau họ đã bỏ đi do chiến tranh và sự biến đổi khắc nghiệt của tự nhiên. Nên trong quá trình khẩn hoang thảnh thoảng người ta tìm thấy được vật dụng, phế tích đền miếu của người xưa còn sót lại. Trong bối cảnh đó, sau khi khai khẩn được một vùng đất mới, người dân tập hợp lại

lập nên các xóm làng hoặc tên gọi khác là “xứ”, đồng thời, họ tưởng nhớ về những vị tiền chủ của cuộc đất mà mình đang sinh sống nên lập miếu thờ như một lời cảm ơn người đã cho phép cư dân mới đến đây khai phá được thuận lợi và cầu mong được tiếp tục sinh sống bình an. Bên cạnh đó, với niềm tin ở mỗi góc rừng, mỗi khúc sông, mỗi vạt đất đều có một Bà Chúa Xứ, Bà Tiền chủ cai quản. Nên khi khai phá xong người ta cũng dựng miếu thờ Bà trước là để tạ ơn, sau là cầu mong được phù hộ độ trì an lành, may mắn trong quá trình sinh sống. Như trường hợp tại Miếu Chúa Xứ (Phường 2), ông S.M. (đại diện cơ sở tín ngưỡng) chia sẻ: “Ngôi miếu này được nhiều người dân xung quanh tin tưởng và thường xuyên đến cúng vía cũng như dọn dẹp sạch sẽ không gian thờ tự, thỉnh thoảng cũng có vài người ở xa đến vía Bà. Người dân vùng này tin rằng Bà luôn hiển linh để phù hộ cho vùng đất này được bình an, người dân sống trên mảnh đất này được mạnh khỏe và làm ăn thuận lợi, vì Bà là vị thần cai quản cõi đất xứ sở nơi này” (S.M., 2017). Tương tự vậy, theo lời chia sẻ của bà C.N. (người dân đến vía Bà tại Miếu Chúa Xứ ở Xã Tân Phú Đông): “Nhà cô thường xuyên đến miếu này để dâng cúng lễ vật lên Bà và cầu mong Bà phù hộ gia đình làm ăn sinh sống trên vùng đất này gặp nhiều thuận lợi, vụ mùa được bội thu và cũng cầu mong Bà phù hộ cho gia đình mạnh khỏe suốt năm” (C.N., 2017).

Thứ hai, đức tin về những vị nữ thần phù hộ độ trì cho mưa thuận gió hòa, người yên vật thịnh

Như phần trên đã trình bày, trước khi vào khai phá vùng đất Nam Bộ, người Việt đã chịu ảnh hưởng bởi văn hóa Trung Hoa với Nho giáo, Đạo giáo cũng như lý luận về thuyết Âm - Dương và Ngũ Hành. Lý luận này đi vào giới bình dân cùng với văn hóa nông nghiệp lúa nước đã hình thành tín ngưỡng đa thần, tôn thờ đa dạng các hiện tượng tự nhiên. Với tâm lý trọng tình, tôn trọng phụ nữ đã làm xuất hiện phổ biến các nữ thần. Một lần nữa, các nữ thần tự nhiên được nhân cách hóa trở thành các vị nữ thần cai quản các hiện tượng tự nhiên - Ngũ Hành Nương Nương. Ngũ Hành Nương Nương trong tâm thức người Việt là năm vị nữ thần đại diện

cho năm yếu tố khác nhau của tự nhiên (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) có tác động đến nhiều mặt trong cuộc sống và nhất là trong quá trình sản xuất. Do đó, miếu thờ Bà Ngũ Hành cũng được dựng lên ở nhiều nơi để cầu mong được sự phù hộ của các bà cho mưa thuận gió hòa, tiết trời thuận lợi mưa sinh, người yên vật thịnh, sản vật sung mãn. Theo lời chia sẻ của ông T.C. (đại diện cơ sở tín ngưỡng) tại Miếu Ngũ Hành (Xã Tân Phú Đông) cho biết: “*Bà Ngũ Hành được người dân khu vực này tin tưởng nên trong ngày cũng có nhiều người đến thắp nhang cúng bái, mang lễ vật đến dâng cúng Bà và cầu mong có được cuộc sống bình an, công việc được tiến hành thuận lợi nên việc thờ phụng Bà tại miếu được tươm tất*” (T.C., 2017) và theo chia sẻ của ông M.X. (đại diện cơ sở tín ngưỡng) tại Miếu đôi Ngũ Hành - Chúa Xứ (Xã Tân Quy Tây) cho biết: “*Việc lập miếu và thờ phụng Bà Ngũ Hành với ý nghĩa là cầu mong cho các vấn đề trong tự nhiên vận hành yên ổn, mưa thuận gió hòa, môi trường sinh sống bình an và canh tác được thuận lợi cho dù con người đến sinh sống ở bất cứ đâu (ngũ phương - ngũ thổ - ngũ hành) thì đều phải biết kính trọng và thờ cúng cho đàng hoàng, như vậy thì cuộc sống và công việc mới vận hành thuận lợi*” (M.X., 2017).

Thứ ba, đức tin bà Thiên Hậu vị phúc thần luôn hiển hách ánh linh ban phước lành và may mắn trong cuộc sống của người dân

Cộng đồng người Hoa sùng bái đa thần, họ cho rằng các vị thần khác nhau có liên quan đến các phạm trù, bình diện khác nhau của đời sống nhân sinh, ví dụ như Quan Công trừ ma đuổi quỷ và mang lại may mắn, Thiên Hậu là hải thần, phúc thần, thánh mẫu từ bi. Cho đến thời hiện nay, đa số người Hoa ở Sa Đéc vẫn tin rằng cuộc sống con người thành công hay thất bại, lúc thăng lúc trầm vốn không thể do bản thân con người quản lý, mà ở đâu đó là sự hiện diện của thần linh. Tương tự như vậy, sinh lão bệnh tử, những đoạn khúc quan trọng của cuộc đời cũng không do con người làm chủ. Trong các trường hợp khác nhau, con người đối mặt với những điều bí ẩn của cuộc sống và của mẹ tự nhiên nằm ngoài tầm hiểu biết và tài năng quản lý của họ

thì khi ấy họ tìm đến với tín ngưỡng Thiên Hậu. Tín ngưỡng Thiên Hậu du nhập vào vùng đất Sa Đéc hơn 300 năm trước theo dòng di dân của cộng đồng người Hoa đến đây cư trú và làm ăn. Trên đường di dân lên đê biển lớn, họ thường cầu nguyện bà Thiên Hậu - vị hải thần của người Hoa hiển linh phù hộ được bình an và sống sót vào đất liền. Khi định cư được bình an tại vùng đất Sa Đéc, cộng đồng người Hoa đã lập miếu trang trọng thờ Bà với ngưỡng vọng và tấm lòng biết ơn Bà đã giúp đỡ, cứu rỗi họ được “thuận buồm xuôi gió”. Khi miếu thờ bà Thiên Hậu được dựng lên cùng với niềm xác tín của người Hoa trong quá trình giao lưu, tiếp biến với cộng đồng các tộc người trên vùng đất Sa Đéc, trong đó, chiếm đại đa số là tộc người Việt, dần dà tất cả các cộng đồng trên vùng đất này cung kính thờ phụng bà với niềm tín ngưỡng bà sẽ bảo an, ban phước lành, phúc lộc, thịnh vượng đặc biệt là hộ mệnh cho nữ giới và trẻ nhỏ để từ đó bà trở thành vị phúc thần trong tâm thức tín ngưỡng của người dân Sa Đéc.

Chính vì, cư dân ở Sa Đéc đã tôn kính và thờ phụng Bà Thiên Hậu một cách bình đẳng, tất cả người dân đến vía Bà đều có chung một niềm đức tin mong muốn nhận được sự ban phước lành của Bà nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh. Khi tác giả tìm hỏi một số người dân đến vía bà thì dường như đều nhận được câu trả lời giống nhau về đại ý như lời của bà B.C và chị T.T (nhà ở thành phố Cao Lãnh đến vía Bà tại Thất Phủ Thiên Hậu Cung) cho biết: *“Nhà tôi làm ăn buôn bán cách đây khoảng hơn hai chục cây số nhưng năm nào đến dịp lễ vía Bà thì tôi và con gái của tôi cũng đến đây để cúng vía Bà để cầu bình an cho gia đình và mong Bà phù hộ việc buôn bán được may mắn và phát tài”*, và chị T.T nói tiếp *“Còn chị thì đến đây trước là cúng vía Bà và sau là cầu mong Bà phù hộ cho gia đình được khỏe mạnh, việc làm ăn của gia đình được may mắn, thuận lợi, và cầu mong Bà ban phước lành cho bản thân và ông xã của mình”* (B.C. và T.T., 2017). Tương tự như vậy, chị V.A (nhà ở huyện Lai Vung đến vía Bà tại Thất Phủ Thiên Hậu Cung): *“Nhà chị thì ở huyện Lai Vung nhưng chị cũng thường xuyên đến đây để thắp nhang vía Bà*

và cầu mong Bà sẽ ban phước lành, bình an cho bản thân, gia đình” (V.A., 2017) và chị K.L (nhà ở huyện Châu Thành đến vía Bà Thiên Hậu) cho biết: *“Chị ở dưới huyện Châu Thành lên đây thường xuyên do việc làm ăn mua bán nên cũng hay vào cúng vía Bà cầu mong Bà phù hộ cho việc buôn bán được phát tài, phù hộ gia đình được mạnh khỏe suốt năm”* (K.L., 2017).

4. Đặc điểm thực hành nghi lễ

Đặc điểm nghi thức thực hành tín ngưỡng tại các đình, đền, miếu/miếu ở Sa Đéc nói chung so với các địa phương khác ở Nam Bộ thì hầu như về mặt tổng thể là giống nhau rất khó phân biệt rạch ròi có xuất phát điểm từ địa phương nào bởi vì xuất phát từ nguồn gốc hình thành các loại hình tín ngưỡng như đã phân tích. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về đặc điểm tín ngưỡng nữ thần thì vấn đề thực hành tín ngưỡng không thể không đề cập đến mà trong đó loại hình bóng rối giữ vai trò quan trọng ở các kỳ lễ cúng. Loại hình bóng rối này còn được gọi là hát bóng rối hoặc múa bóng rối, là một loại hình múa hát nghi thức lễ vào các dịp cúng tạ trang thờ Bà độ mạng cho nữ giới ở gia đình hoặc cúng đình, miếu ở khắp vùng Nam Bộ và riêng ở Sa Đéc hầu như trong các kỳ lễ cúng đình, miếu hay tạ trang đều có sự hiện diện của loại hình này. Nội dung bóng rối xuất hiện sau phần nghi thức tế lễ của Ban Tế tự và tiếp đến là các tiết mục múa hát tuồng chèo, hát bội, cải lương. Nghệ thuật diễn xướng bóng rối này có mối gắn kết chặt chẽ với tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc và Nam Bộ, như mô tả hồi cố của ông N.N.T. (Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Sa Đéc) vào năm 2017: *“Nghệ thuật diễn xướng dân gian ở Sa Đéc vô cùng phong phú như loại hình múa bóng rối ở Sa Đéc ra đời và tồn tại trong môi trường tín ngưỡng dân gian từ lâu mà đặc biệt là tín ngưỡng nữ thần hay còn gọi là tục thờ Bà. Ngoài ra, còn có hai tuyến nghệ thuật hát bội và đờn ca tài tử cũng một thời nổi tiếng nức danh ở vùng Sa Đéc và các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Múa bóng rối ở Nam Bộ và ở Sa Đéc ra đời và tồn tại trong môi trường tín ngưỡng dân gian từ lâu mà đặc biệt là tín ngưỡng nữ thần hay còn gọi là tục thờ Bà, riêng ở Sa Đéc vào khoảng những*

năm 1950, có ông bóng H, nhà bên bờ kinh Cái Sơn chợ Sa Đéc, ông tên đầy đủ là T.V.H, một ông bóng nổi tiếng cả vùng Sa Đéc. Mỗi năm vào dịp Tết Nguyên Đán, từ ngày rằm tháng chạp trở đi, là mùa đi đám của ông. Nhiều đám cúng miếu Bà và cúng tạ trang thờ Bà của nhiều gia đình khá giả đều cử người đến đặt đám trước để ông bóng H xếp lịch đi cúng. Phụ theo ông có ông H.N đòn cò, gõ nhịp song lang và chiếc trống nhỏ, trống com. Nghi thức cúng từng nơi được ông bóng H chuẩn bị theo một bài bản phù hợp với ước muốn của gia chủ hoặc yêu cầu của Ban cúng tế miếu. Ông bóng H tâm người thấp vừa phải, có nghề bóng rỗi chuyên nghiệp; với các bài rỗi hát kèm theo động tác múa như múa dâng hương, dâng hoa, dâng mâm vàng và với những đám lớn ông còn thực hiện những bài múa độc đáo như múa đèn, múa độc bình. Các động tác múa của bóng H rất nhuần nhuyễn, điêu luyện” (N.N.T., 2017).

Về nguồn gốc hình thành của loại hình múa hát bóng rỗi này, chúng tôi có cùng quan điểm với tác giả Nguyễn Hữu Hiếu cho rằng đây là kết quả của quá trình giao thoa văn hóa Việt - Chăm mà cụ thể là tộc người Việt đã Việt hóa, bản địa hóa điệu múa Pajao của tộc người Chăm trong các nghi lễ thờ cúng nữ thần. Bởi lẽ, theo tín ngưỡng Chăm “Bà bóng Pajao có nhiệm vụ nhảy múa, dâng lễ vật mời thần linh, nhập đồng tiên tri mọi việc vì hàng năm bà bóng vẫn có dịp giao cảm với thần linh trong một giấc ngủ triền miên” (Nguyễn Văn Luận, 1974: tr.50) cho nên theo luật tục trong điệu múa Pajao thì người thực hành điệu múa này phải là thiếu nữ đồng trinh hoặc người phụ nữ đẹp và trải qua sự rèn luyện kỹ lưỡng, phải thuần thục trong các động tác để khéo léo dâng vật cúng lên thần linh. Nhưng khi điệu múa Pajao du nhập vào vùng đất Nam Bộ thì loại hình này đã có sự thay đổi ở động tác múa mà điều đáng lưu ý là người thực hiện điệu múa không còn đúng bản chất là các nữ đồng trinh nữa mà đó là những người phụ nữ

lớn tuổi, đặc biệt là sự xuất hiện của nam giới là những người cho rằng họ có căn cơ, có số, có căn đồng, ăn mặc, cư xử, điệu bộ như phụ nữ mà trong dân gian gọi đó là được bà dựa, bà chọn để lên hầu đồng, hầu bóng. Và cũng theo mô tả của Nguyễn Hữu Hiếu, loại hình múa bóng rỗi có hai thành phần “hát rỗi” và “múa bóng”. Người thực hành bóng rỗi phải trải qua quá trình học tập và khổ luyện nghiêm túc, họ phải là những nghệ nhân thật thụ, có khả năng hát và sáng tác lời ca theo yêu cầu của gia chủ, của người chủ tế lễ trên nền nhạc đệm có sẵn và diễn xuất điêu luyện các động tác múa. Có thể nói nghệ nhân thực hành loại hình bóng rỗi này là những người đa tài, họ vừa là người hát, vừa là người múa và cũng là người biểu diễn tạp kỹ. Loại hình bóng rỗi này vừa mang tính nghi thức của phần lễ vừa mang tính giải trí của phần hội trong các kỳ cúng đình, cúng miếu Bà ở Sa Đéc.

Để mở đầu cho buổi bóng rỗi thì các nghệ nhân thay phiên nhau thực hiện phần nghi thức hát rỗi, tiếp theo là màn múa bông, múa dâng mâm vàng rồi cuối cùng là các tiết mục tạp kỹ giải trí (Nguyễn Hữu Hiếu, 2016: tr.363). Nguyễn Hữu Hiếu mô tả loại hình bóng rỗi trong nghệ thuật diễn xướng dân gian ở Nam Bộ khá chi tiết và tại đây chúng tôi trích lược những nội dung quan trọng mà theo chúng tôi điều đó là phù hợp với đối tượng nghiên cứu của bài viết, theo đó, thực hành bóng rỗi trong tín ngưỡng nữ thần có các phần gồm: hát rỗi, múa bông, múa dâng mâm vàng và múa tạp kỹ.

Hát rỗi, là người hát mặc lễ phục có màu sắc gần giống với chiếc áo dài của các Pajao Chăm, đứng trước bàn thờ nữ thần, tay cầm trống nhỏ gọi là trống rỗi, vừa gõ làm nhịp cho hát mời nữ thần về dự lễ. Lời hát nghe tha thiết nhằm ca ngợi vị nữ thần và trịnh trọng mời các vị nữ thần về tại nơi tổ chức lễ để chứng kiến cảnh thiện nam tính nữ đang chiêm bái và cầu mong nhận được phù hộ, độ trì, ban phúc lành (Hình 1).



Hình 1. Hát rồi tại Lễ vía Bà Ngũ Hành Tân Hiệp, Phường Tân Quy Đông - Sa Đéc
(Ảnh tác giả, 2018)

Múa bông, là hình thức thông qua những động tác tạo hình biểu hiện sự kính dâng bông hoa và lễ vật lên nữ thần. Múa bông và múa dâng mâm vàng là phần nghi thức bắt buộc, không thể thiếu. khi chuyển sang múa dâng bông thì người thực hành bóng rối sẽ hát lên rằng: “Cúi đầu dâng vạn thọ/ Ngửa mặt chúc vô cương/ Miệng đều ca hàm tấu nhất chương/ Để lan liễu múa tiêu mai và

chấp v.v.”. Múa dâng bông với chén hoặc tô được kết bông vạn thọ vào và để trên nhằm dâng cúng bông lên nữ thần như để mở đầu cuộc bóng rối. Người nghệ nhân múa xoay người thành vòng tròn trước điện thờ rồi dừng lại để cho người thủ miếu, người chủ lễ nâng chén bông đặt lên bàn thờ nữ thần. Sau 03 lần dâng bông liên tục như vậy rồi đến dâng mâm vàng (Hình 2).



Hình 2. Múa dâng bông tại Lễ vía Bà Ngũ Hành Tân Hiệp, Phường Tân Quy Đông - Sa Đéc
(Ảnh tác giả, 2018)

Múa dâng mâm vàng, với đạo cụ là cái mâm chất liệu bằng đồng hoặc bằng nhôm có dán một cái thếp vàng (đồ hàng mã) và dùng các loại giấy khác màu để trang trí cho ngôi thếp vàng thêm phần sắc sỡ. Tùy theo địa phương và tùy theo người huấn luyện các nghệ nhân mà hình dạng và màu sắc của mâm vàng có những sắc thái khác nhau. Mâm vàng đỉnh hình ngôi thếp, ngoài nghĩa thường gọi là đạo cụ nhưng đó là lễ vật rất quan trọng mang tính linh thiêng để dâng cúng lên các nữ thần nên phải giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ, không được làm ô uế nếu không sẽ bị bà qủ trách. Múa dâng mâm vàng đòi hỏi người nghệ

nhân phải kết hợp nhiều động tác như đội mâm lên đỉnh đầu, đội mâm trên trán, trên cằm, di chuyển mâm trên vai, trên lưng, dùng bàn chân để múa dâng mâm thậm chí còn dùng tay múa uốn lượn để dâng mâm (những động tác này yêu cầu phải rất khéo léo, mềm mại và có kinh nghiệm vì nếu không cẩn thận thì mâm vàng dễ bị rơi xuống đất). Hình tượng, động tác múa dâng mâm vàng mang tính thần kỳ, còn nghệ thuật thì gần giống với xiếc tạp kỹ. Khi một người múa dâng mâm thì có vài người khác chơi đàn cò, kèn, thanh la, trống để góp phần tạo nên không khí vừa linh thiêng vừa sôi động (Hình 3).



Hình 3. Múa dâng mâm vàng tại Lễ vía Bà Ngũ Hành Tân Hiệp, Phường Tân Quy Đông - Sa Đéc (Ảnh tác giả, 2018)

Múa tạp kỹ, đối với một số nghệ nhân thực hành bóng rỗi chịu khó tập luyện nên trình diễn góp vui những điệu múa tạp kỹ khá điêu luyện và khéo léo như làm xiếc, khiến người xem lúc nào cũng hồi hộp, tò mò chờ đợi. Múa tạp kỹ thường có các điệu múa như: múa lộc bình, múa đầu bêu, múa dao, múa gậy, múa ghề, múa khạp, múa rót rượu, múa hoa huệ, múa lông công và diễn chập địa - nàng.

Hát múa bóng rỗi là một dạng nghệ thuật diễn xướng dân gian với nghi thức tế lễ phục vụ nữ thần ở các đình, miếu/miễu hoặc trang thờ bà. Hầu như khắp xóm làng nào ở vùng đất Sa Đéc và cả vùng Nam Bộ đều có nhiều loại miếu thờ bà khác nhau mà phổ biến nhất là miếu Bà Chúa Xứ, Bà Ngũ Hành, Bà Thiên Hậu, Quán Âm bồ tát, Diêu Trì Kim Mẫu và một số nữ thần

bản địa. Trong các kỳ lễ cúng vía nữ thần ở đình, miếu/miễu, cung thờ tại Sa Đéc, bên cạnh các nghi thức lễ và thực hành bóng rỗi còn có các hoạt động thiện nguyện khác như: phát quà, phát bánh, phát gạo và đặc biệt là hoạt động đãi ăn miễn phí cho tất cả người dân đến viếng và tham gia lễ hội mà không phân biệt lớn hay nhỏ, già hay trẻ, giàu hay nghèo, nam hay nữ,... tất cả đến đây đều bình đẳng vì mục đích chung cúng vía nữ thần cầu mong được ban phước lành.

Chính vì những điều đó cùng với các điều kiện đặc thù về lịch sử, cảnh quan thiên nhiên, điều kiện về giao tiếp ứng xử xã hội mà các hoạt động thực hành nghi lễ trong tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc có những đặc trưng riêng biệt đó là:

Một là, tính đa dạng: Với vị trí thuận lợi, Sa Đéc là nơi giao thoa văn hóa của các dân tộc anh

em tại vùng Nam Bộ từ khá sớm. Quá trình giao thoa này cùng với tinh thần khoan dung của người dân Nam Bộ đã làm cho hệ thống tín ngưỡng ở đây hết sức đa dạng, trong đó, tín ngưỡng thờ nữ thần ở Sa Đéc cũng là một trường hợp điển hình. Tộc người Việt, Hoa và Khmer đã cùng cộng cư tại vùng đất này từ khá sớm. Mỗi tộc người khi đến đây đều mang theo bên mình hành trang riêng về tín ngưỡng, tôn giáo. Trong đó có niềm tin, nghi lễ, phong tục, tập quán, lễ hội về các vị nữ thần của tộc người mình. Khi đến vùng đất Sa Đéc, các loại hình tín ngưỡng đó tiếp tục được phát triển vừa độc lập vừa đan xen thống nhất với nhau dẫn tới tình trạng đa dạng trong tín ngưỡng thờ nữ thần nơi đây. Việc nữ thần của người Hoa được người Việt thờ cúng, hay nữ thần của người Khmer được người Việt tiếp nhận là một điều khá phổ biến. Người Việt nơi đây đã không từ chối, kỳ thị hay phân biệt các vị nữ thần dựa trên nguồn gốc của tộc người nào. Ngược lại các nữ thần du nhập đã được cư dân Sa Đéc tiếp nhận một cách khá nhẹ nhàng và đón nhận một cách nhiệt thành để làm phong phú các loại hình tín ngưỡng. Chính điều này đã làm cho hệ thống đức tin và thực hành nghi lễ trong tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc nơi đây mang đậm tính đa dạng, phong phú.

Hai là, tính dung hợp: Cũng như các dạng tín ngưỡng dân gian khác, tín ngưỡng nữ thần tại đây cũng thể hiện tính dung hợp trong văn hóa dân gian một cách rõ nét. Vùng đất Sa Đéc từ xưa đã là đô thị sớm theo như mô tả của Trịnh Hoài Đức “Nước sông trong ngọt, vườn ruộng rất tốt, nhân dân đông đúc giàu có, có đạo Đông Khâu đóng ở phía Nam, chợ phố liền nhau, thuyền bè đông đúc, là chỗ đại đô hội của trấn này... mạch đất như cuốn bó lại nguồn xa của dòng nước, để giữ lấy vượng khí” (Trịnh Hoài Đức, 2004: tr. 77). Với đặc điểm tự nhiên và xã hội thuận lợi nên nơi đây sớm trở thành một thương cảng sông nước nơi tụ hội bốn phương, nơi họp mặt - gặp gỡ giao lưu giữa các tộc người Việt - Hoa - Khmer tạo nên bức tranh giao thoa đa văn hóa, bởi thế người Việt chấp nhận Bà Thiên Hậu như một vị phúc thần mang đến sự ấm no, hạnh phúc; người Hoa chấp nhận các nữ

thần của người Việt qua niềm tin Bà Thiên Hậu kiêm nhiệm vai trò trông nom cả vùng đất (trưng tự quyền năng Bà Chúa Xứ), vùng đồng bằng nơi người Hoa sinh sống với ước nguyện Bà mang đến mưa thuận gió hòa, ngăn chặn các thiên tai để cuộc sống được an toàn. Chính quá trình này đã tạo nên sự dung hợp trong đời sống văn hóa vật chất, tinh thần và đời sống văn hóa tín ngưỡng của vùng đất này. Do có nhiều điểm tương đồng trong quan niệm truyền thống nên trong lĩnh vực tín ngưỡng sự du nhập và dung hợp trong quan niệm tín ngưỡng và trong hệ thống thần linh trở nên dễ dàng hơn. Sự hiện diện và chấp nhận phổ biến của tục thờ nữ thần mà cụ thể là tục thờ Bà Thiên Hậu, thờ Bà Ngũ Hành, tục thờ Bà Chúa Xứ là minh chứng điển hình cho tính dung hợp trong văn hóa tín ngưỡng nữ thần của địa phương nơi đây. Đúng như quan điểm của Franz Boas đưa ra trong học thuyết đặc thù lịch sử “văn hóa của mỗi một dân tộc được hình thành trong quá trình lịch sử gắn liền với môi trường xã hội nhất định và trong điều kiện địa lý cụ thể” (Khoa Nhân học, 2008: tr.24).

Ba là, tính thuần phát dân gian: Qua phân tích quá trình hình thành, phát triển cũng như sự vận động của tín ngưỡng nữ thần tại Sa Đéc thông qua hoạt động thờ cúng cũng như lễ hội dễ dàng nhận thấy: Tín ngưỡng nữ thần tại đây thể hiện đậm chất thuần phát dân gian trong quan niệm, trong đức tin, cũng như trong thực hành nghi lễ. Tính thuần phát dân gian ở đây được hiểu là sự dân già, linh hoạt, thiết thực trong cách thể hiện của người dân gắn liền với bối cảnh đặc thù địa phương, thời kỳ lịch sử trong các quan niệm, đức tin, thực hành nghi lễ mà không câu nệ vào hình thức hay một quy định cứng nhắc. Người dân Nam Bộ nói chung, người dân Sa Đéc nói riêng có tinh thần khoan dung trong cách thức nhìn nhận và tiếp nhận những nét văn hóa khác với mình. Đặc biệt người dân ở Sa Đéc còn có tinh thần phóng khoáng, yêu tự do. Trong lĩnh vực tín ngưỡng họ cũng hết sức linh hoạt, không câu nệ hình thức bề ngoài, cốt sao cho đơn giản, dễ thực hiện, chủ yếu ở cái tâm trong sáng của người tham dự và cộng đồng tín ngưỡng. Trong quan

niệm, người Sa Đéc quan niệm rằng nguồn gốc xuất thân của các vị thần không quan trọng. Điều quan trọng là các vị là thần linh, là bậc trưởng thượng lắng nghe những lời cầu nguyện của mình và hoàn thành nó để giúp đỡ dân lành. Chính vì vậy mà người Sa Đéc chẳng những không phân biệt mà còn tỏ ra hết sức cung kính tất cả các vị thần linh đến từ các tộc người Hoa, Khmer. Về thực hành nghi lễ, người dân ở đây cũng không hề câu nệ hình thức, nghi thức hết sức cầu kỳ, phức tạp. Họ quan niệm thần linh là bậc tối cao không hề chấp nhất việc cúng kiếng hình thức mà phù hộ hay quở trách. Thần linh luôn ở trong tâm của họ, do đó việc cúng kiếng, thờ phụng, lễ lạc cũng chỉ là hình thức bề ngoài. Hình thức bề ngoài không thể nói lên được lòng thành của người chịu lễ. Điều quan trọng là sự thành tâm, còn hình thức cúng kiếng, lễ nghi thì tùy hoàn cảnh mà thực hiện. Mặc dù vậy, các hình thức thực hành nghi lễ trong tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc cũng thể hiện tính điển chế song hành với tính thuần phát dân gian tương tự trường hợp tại lễ hội Miếu Bà Ngũ Hành Long Thượng ở huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An theo mô tả của Nguyễn Tấn Quốc cho rằng: “Sinh hoạt nghi lễ ở đình phải đảm bảo những quy định mang tính bắt buộc, khuôn phép thì ngược lại đối với miếu, nó trở nên dễ dãi, phóng khoáng hơn. Đó chính là sự khác biệt chỉ ra yếu tố dân gian của lễ hội Miếu Bà Ngũ Hành Long Thượng khi so sánh với đình” (Nguyễn Tấn Quốc, 2015: tr. 93). Có thể nói, không ở đâu thần thánh mang tính nữ lại phong phú đa dạng như ở Sa Đéc. Sự đa dạng phong phú về nguồn gốc xuất thân, về vai trò cụ thể của từng vị nữ được thờ phụng nó phản ánh nhu cầu nhiều về của người phụ nữ ở thế giới hiện hữu. Có nữ thần là nhiên thần, có nữ thần là nhân thần, có nữ thần tạo dựng nên giống nòi, lại có nữ thần có công dựng nước; có nữ thần xuất hiện từ huyền thoại nhưng lại có nữ thần là con người lịch sử cụ thể. Có nữ thần xuất thân từ gia đình quyền quý, có nữ thần được tôn vinh chỉ là người bình dân nghèo khổ, có nữ thần thì lo đuổi giặc giúp dân, có nữ thần lại chăm lo mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt.

5. Kết luận

Sa Đéc từ xưa đã sớm trở thành vùng thị tứ giao thương buôn bán nhộn nhịp, phồn hoa ở Tây Nam Bộ, nơi diễn ra sự giao thoa văn hóa Việt, Hoa, Khmer với kết quả tiêu biểu là sự hình thành tín ngưỡng nữ thần kết tinh bởi ba yếu tố: yếu tố Việt, yếu tố Chăm và yếu tố Hoa cùng với hệ thống đức tin về những bà tiền chủ, bà chúa xứ sở; đức tin về những vị nữ thần phù hộ độ trì cho mưa thuận gió hòa, người yên vật thịnh; đức tin bà Thiên Hậu vị phúc thần luôn hiển linh ban phước lành và may mắn trong cuộc sống của người dân. Đồng thời, thông qua các hình thức thực hành nghi lễ - nghệ thuật diễn xướng bóng rối cũng biểu hiện rõ nét những đặc tính đa dạng, dung hợp và tính thuần phát dân gian. Với cái lõi là đức tin tâm linh (cái thiêng), người dân Sa Đéc đã hình thành hệ thống liên kết đức tin - thực hành tín ngưỡng - sinh hoạt văn hóa, qua đó một phần của cuộc sống thực tại được tái hiện và thậm chí “lên khuôn” trong các hoạt động tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đăng Duy (1998). *Văn hóa tâm linh*. Hà Nội, Nxb Hà Nội.
- Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*, quyển II. Lý Việt Dũng và Huỳnh Văn Tới dịch (2004). Đồng Nai, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2003). *Chúa Nguyễn và các giai thoại mở đất phương Nam*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2004). *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Tây Nam Bộ*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2010). *Văn hóa dân gian vùng Đồng Tháp Mười*. Hà Nội, Nxb Dân Trí.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2015). *Tục thờ thần qua am miếu Nam Bộ*. Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Nguyễn Hữu Hiếu, Ngô Xuân Tư, Lê Đức Hòa, và Nguyễn Đắc Hiền (2004). *Đồng Tháp 300 năm*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2016). *Văn hóa dân gian miệt Sa Đéc*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2017). *Mấy nét phát thảo về tục thờ bà ở Nam Bộ*. Kỷ yếu hội thảo khoa

- học Tín ngưỡng thờ nữ thần và thực hành bóng rỗi - địa nãng ở Nam Bộ, Đồng Nai.
- Đinh Gia Khánh (1995). *Văn hóa dân gian Việt Nam với sự phát triển của xã hội Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia.
- Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2008). *Nhân học đại cương*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2014). *Nhân học đại cương*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Văn Luận (1974). *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam - phân Việt Nam*. Sài Gòn, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên xuất bản.
- Nguyễn Tấn Quốc (2015). *Lễ hội miếu bà Ngũ Hành Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An - dưới góc nhìn quản lý văn hóa*. Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Tp. Hồ Chí Minh.
- Sapir, E. (1934). The emergence of the concept of personality in a study of culture. In Edward Sapir (Author), David G. Mandelbaum (editor): *Culture, Language and personality*. Berkeley and Los Angeles, University of California Press.
- Trần Ngọc Thêm (1996). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Ngọc Thêm (2013). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa - Văn nghệ.
- Trần Ngọc Thêm, Nguyễn Thị Lệ Hằng (2013). Bản sắc và giá trị của văn hóa thờ nữ thần của người Việt ở vùng Tây Nam Bộ, Trong *Văn hóa thờ nữ thần - mẫu ở Việt Nam và Châu Á bản sắc và giá trị*. Hà Nội, Nxb Thế giới.
- Ngô Đức Thịnh (2001). *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Ngọc Thơ (2017). *Tín ngưỡng Thiên Hậu vùng Tây Nam Bộ*. Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Nhất Thống (2009). *Hương quê thương nhớ*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Nhất Thống, Phan Phong Vũ, Văn Phước Ba (2009). Sa Đéc vùng đất con người. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhất Thống (2014). *Sa Đéc tình đất - tình người*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa Văn nghệ.
- Dương Thanh Tùng (2017). *Bộ tài liệu điền dã thực hiện tại Thành phố Sa Đéc từ năm 2015 - 2018*.
- B.C. và T.T. (2017). *Phỏng vấn số 15-2*. Phỏng vấn bởi Dương Thanh Tùng. [Biên bản phỏng vấn]. Thất phủ Thiên Hậu cung - Phường 1, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, ngày 23 tháng 01 năm 2017.
- V.A. (2017). *Phỏng vấn số 15-2*. Phỏng vấn bởi Dương Thanh Tùng. [Biên bản phỏng vấn]. Thất phủ Thiên Hậu cung - Phường 1, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, ngày 30 tháng 01 năm 2017.
- K.L. (2017). *Phỏng vấn số 15-2*. Phỏng vấn bởi Dương Thanh Tùng. [Biên bản phỏng vấn]. Thất phủ Thiên Hậu cung - Phường 1, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, ngày 30 tháng 01 năm 2017.
- M.X. (2017). *Phỏng vấn số 12*. Phỏng vấn bởi Dương Thanh Tùng. [Biên bản phỏng vấn]. Miếu đôi Ngũ Hành - Chúa Xứ, Xã Tân Quy Tây, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, ngày 10 tháng 03 năm 2017.
- S.M. (2017). *Phỏng vấn số 09*. Phỏng vấn bởi Dương Thanh Tùng. [Biên bản phỏng vấn]. Miếu Chúa Xứ - Phường 2, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2017.
- T.C. (2017). *Phỏng vấn số 13*. Phỏng vấn bởi Dương Thanh Tùng. [Biên bản phỏng vấn]. Miếu Ngũ Hành - Xã Tân Phú Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, ngày 03 tháng 09 năm 2017.
- C.N. (2017). *Phỏng vấn số 15-1*. Phỏng vấn bởi Dương Thanh Tùng. [Biên bản phỏng vấn]. Miếu Chúa Xứ - Xã Tân Phú Đông, Thành phố Sa Đéc, ngày 03 tháng 09 năm 2017.
- N.N.T (2017). *Phỏng vấn số 04*. Phỏng vấn bởi Dương Thanh Tùng. [Biên bản phỏng vấn]. Văn phòng Thành ủy - Phường 1, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, ngày 14 tháng 12 năm 2017.
- Weller, R. P. (1987). *Unities and Diversities in Chinese Religion*. London, Macmillan/Seattle, University of Washington Press.